TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-PT
Ngày 24 - 12 - 2023
V/v bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Anh Luyện

Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLPT- DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn T, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn T, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Tống Thị G. Địa chỉ: Thôn T, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2020, quá trình tố tụng xét xử tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2017 gia đình anh Trần Ngọc T và chị Tống Thị G có nhu cầu đổ đất để tôn tạo vườn và xây dựng nhà ở, anh T đã tiến hành thuê xe chở đất từ ngoài về để lấp đất phía sau. Để đi được anh T có làm đường bê tông từ quốc lộ 2 đi qua nhà bà N về phía cuối vườn nhà anh với độ dày của bê tông là 20 cm, chiều rộng mặt đường là 4 m sát liền với tường nhà của bà. Ngày 20/12/2017, anh Trần Ngọc T đã trực tiếp gặp và nói chuyện với bà N để cho xe chở đất đi qua. Tại thời điểm đó hai bên đã kiểm tra toàn bộ ngôi nhà thấy không hư hỏng gì nên đã thống nhất lập biên bản cam kết nhằn đảm bảo cho xe chở đất đi qua nhà bà N. Trước khi lập biên bản, bà N với anh T có mời đại diện chính quyền thôn T đến kiểm tra, chứng kiến và cam kết với nội dung: Trong quá trình thi công nếu thấy bất cứ dấu hiệu nào không đảm bảo an toàn thì phải dừng ngay hoặc trong thời gian thi công từ 06 tháng đến 12 tháng mà ngôi nhà bà N có xảy ra hư hỏng thì anh Trần Ngọc T phải bồi thường hoặc làm lại nhà mới cho gia đình bà N. Biên bản do anh T viết, đánh máy và đọc T qua cho các bên tham gia nhất trí cùng nhau ký cam kết để thực hiện. Khi anh T cho loại xe trọng tải nhỏ trở đất đi qua thì không gây ảnh hưởng gì tới ngôi nhà bà N. Đến tháng 12/2018 anh T cho xe máy xúc và xe có trọng tải lớn chạy qua làm rung chuyển nhà dẫn đến bức tường nhà, bếp và công trình phụ nên bà N đã yêu cầu gia đình anh T phải nhừng trở đất vì thấy không an toàn đến kết cấu toàn bộ ngôi nhà, bà N cũng nhờ chính quyền thôn T can thiệp giúp đỡ. Thôn T xuống trực tiếp kiểm tra thấy rạn nứt tường nhà bà so với ban đầu khi các bên ký cam kết. Thôn đề nghị anh T thực hiện lời cam kết, tại buổi hòa giải anh T cũng thừa nhận tường nhà bà N có rạn nứt nhưng anh T đề nghị bà N tiếp tục cho xe trở đất đi qua để anh san lấp đằng sau. Nếu đến ngày 30/4/2019 mà không xong thì anh cũng ngừng đổ đất và thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết làm lại nhà hoặc bồi thường cho gia đình bà N. Vì tin lời anh T nên bà N đã tạo điều kiện cho anh T tiếp tục trở đất. Đến khi trở đất xong, bà yêu cầu anh T bồi thường theo cam kết vì ngôi nhà bà đã bị hư hỏng nặng do trở đất nhưng anh T không nhất trí. Bà lại đến báo với thôn và yêu giải quyết thì mọi người đã được trình bảy tại buổi hòa giải lần một thì anh T nhất trí bồi thường 120.000.000 đồng như mức mà thôn gợi ý nhưng bà N không nhất trí mà buộc anh T phải bồi thường cho gia đình bà là 200.000.000 đồng hoặc làm lại nhà mới nhưng anh T không chấp nhận, cả chị G cũng không chấp nhận nên hòa giải tại thôn không thành. UBND xã Đạo Đ cũng đã đưa vụ kiện ra hòa giải nhưng không có kết quả. Để bảo vệ quyền lợi cho mình, bà N đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện V ngày 10/7/2020 yêu cầu anh Trần Ngọc T phải bồi thường cho gia đình bà 200.000.000 đồng hoặc làm lại toàn bộ ngôi nhà như đã cam kết ngày 20/12/2017.

Bị đơn anh Trần Ngọc T khai trong hồ sơ và tại phiên tòa: Vào tháng 12/2017 gia đình anh có nhu cầu thuê xe ô tô trở đất để tôn tạo và làm nhà ở, trước khi đổ đất anh đã sang nhà bà N nói chuyện để cho xe chở đất đi qua nhà bà vì ngõ nhà anh liền kề với nhà bà N, sau đó hai bên nhất trí và lập biên bản bảo đảm an toàn cho xe chở đất đi qua vào ngày 20/12/2017. Ngày 24/12/2017 anh có xem nhà bà N rồi chụp 06 bức ảnh có các vết nứt của ngôi nhà. Việc chở đất không thường xuyên, đến tháng 8/2018 khi gia đình anh đang đổ đất thì bà N yêu cầu phải dừng thi công và yêu cầu bồi thường vì bà cho rằng việc chở đất của anh

đã làm nứt ngôi nhà của bà, vì không thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường nên hai bên có nhờ đến thôn T giải quyết. Tại buổi làm việc, Ban hòa giải thôn đưa ra mức bồi thường là 120.000.000 đồng, anh đã nhất trí nhưng bà N không chấp nhận mà buộc anh phải bồi thường 400.000.000 đồng và bà làm đơn gửi các cơ quan gây khó khăn cho anh, cho nên các phiên hòa giải tại thôn và xã Đạo Đ anh vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí bồi thường cho nhà bà N. Nay bà khởi kiện ra Tòa yêu cầu anh phải bồi thường 200.000.000 đồng hoặc làm lại toàn bộ nhà mới cho bà, anh không nhất trí đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G trình bày: Chị G khẳng định là hai gia đình ở giáp nhau và là hàng xóm của nhau. Trước khi đổ đất thì gia đình chị đã làm đường bê tông do chồng chị làm nên chị không nắm được có sát móng nhà bà N hay không. Khi gia đình có nhu cầu tôn tạo vườn và nhà chị và anh T cùng bí thư, công an viên và trưởng thôn T sang nhà bà N cùng nhau lập biên bản an toàn cho xe trở đất đi qua nhà. Chị cũng không nắm được ngôi nhà có bị nứt từ trước không đến khi bà N bảo nhà bà bị nứt và đề nghị thôn và xã giải quyết nhưng kết quả không thành. Chị cũng đã đến Tòa để làm việc theo yêu cầu của Tòa án, nhưng do bận công việc chị đã ủy quyền cho anh T đứng ra giải quyết thay cho chị nên chị không tham gia và có ý kiến gì.

Tại Bản án số 03/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ các Điều 68, 70, 73, 147, 157, 160, 165 và Điều 271 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 13, 584, 585, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/NQ - UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn anh Trần Ngọc T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 136.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi sáu triệu đồng)* (Anh Trần Ngọc T có trách nhiệm bồi thường là 68.000.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu đồng)*; Chị G có trách nhiệm bồi thường là 68.000.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu đồng)*. Bồi thường một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

* Đối với kết quả thẩm định, định giá lần 01 của Hội đồng thẩm định, định giá huyện V và kết quả giám định lần 03 của trung tâm kiểm định chất lượng công trình Sở xây dựng tỉnh Hà Giang, cho nên bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ phần chi phí tố tụng thẩm định, định giá, giám định gồm:

- Chi phí thẩm định, định giá lần 01 là 1.900.000 đồng *(Một triệu chín trăm nghìn đồng)* (Bà N đã chi trả xong).

- Chi phí giám định lần 03 là 14.600.000 đồng *(Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)* (Bà N đã chi trả xong).

* Anh Trần Ngọc T phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.900.000 đồng *(Một triệu chín trăm nghìn đồng)* do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận. (Anh T đã chi trả xong).

3. Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu là 3.400.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*; Chị G phải chịu là 3.400.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* theo biên lai thu số tại 01505, ngày 23/10/2020 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023 bị đơn anh Trần Ngọc T có đơn kháng cáo không nhất trí nội dung Bản án sơ thẩm. Anh T cho rằng anh không chở đất đi qua nhà bà N, nguyên nhân nhà bị hư hỏng không phải do anh T gây ra nên không nhất trí bồi thường thiệt hại, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Trần Ngọc T giữ nguyên kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số số 03/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Anh T xác nhận có thuê xe chở đất đi trên đường do anh làm bên cạnh nhà bà N, không "đi qua nhà bà N", nhà bà N bị hư hỏng từ trước không phải do anh T gây ra nên không nhất trí bồi thường thiệt hại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xác định anh T là người gây ra hư hỏng nhà bà N và phải bồi thường thiệt hại sửa chữa cho bà N là có căn cứ, kháng cáo của anh T không có căn cứ. Tuy nhiên về số tiền bồi thường thiệt hại, Bản án sơ thẩm buộc anh T, chị G phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 136.000.000đ là chưa chính xác. Đề nghị buộc anh T và chị G phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 62.075.000 đồng.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 161, Điều 165, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Trần Ngọc T và sửa bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Toà án nhân dân huyện V theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bị đơn anh Trần Ngọc T và người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền 62.075.000 đồng. Về chi phí tố tụng: Bà N phải chịu chi phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 10.000.000 đồng; anh T, chị G phải liên đới chịu chi phí đối với yêu cầu của bà N được chấp nhận 8.000.000 đồng. Anh T, chị G còn phải trả cho bà N số tiền chi phí tố tụng đã nộp là 8.000.000 đồng - 1.900.000 đồng = 6.100.000 đồng. Về án phí: Anh T và chị G phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.104.000 đồng. Bà N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 3.696.000 đồng. Anh Trần Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Ngọc T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G (không có kháng cáo), đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt. HĐXX quyết định tiếp tục xét xử theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu anh Trần Ngọc T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà N số tiền 200.000.000 đồng hoặc làm lại toàn bộ ngôi nhà như đã cam kết ngày 20/12/2017. Xét thấy:

[4] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày năm 2017 gia đình anh Trần Ngọc T có nhu cầu chở đất để san lấp vườn và làm nhà ở. Tại thời điểm đó hai bên đã kiểm tra toàn bộ ngôi nhà thấy không hư hỏng gì nên đã thống nhất lập biên bản cam kết nhằm đảm bảo cho xe chở đất đi qua nhà bà N. Trước khi lập biên bản, bà N với anh T có mời đại diện chính quyền thôn T đến kiểm tra, chứng kiến và lập biên bản cam kết có sự chứng kiến của đại diện chính quyền thôn T tham gia. Quá trình thi công anh T cho xe máy xúc và xe có trọng tải lớn chạy qua cạnh nhà bà N làm rung chuyển nhà dẫn đến bức tường nhà, bếp và công trình phụ. Sự việc đã được hoà giải, giải quyết tại thôn T và xã Đạo Đ nhưng không thành. Vì vậy, bà Nguyễn Thị N đã khởi kiện yêu cầu anh Trần Ngọc T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà N số tiền 200.000.000 đồng hoặc làm lại toàn bộ ngôi nhà như đã cam kết ngày 20/12/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc T xác nhận vào tháng 12 năm 2017 anh có nhu cầu đổ đất tôn vườn và đổ nền nhà. Trước khi đổ đất anh có làm đường bê tông để xe chở đất đi qua cạnh nhà bà N và có sang nhà bà N thoả thuận cùng lập biên bản đảm bảo an toàn cho xe đi qua vào ngày 20/12/2017, đến tháng 8/2018 bà N nói là nhà bà N bị nứt tường nhà và mời thôn đến giải quyết. Quan điểm bị đơn anh T không nhất trí bồi thường thiệt hại vì việc chở đất của anh không ảnh hưởng nhiều đến nhà bà N, nhà bà N xây dựng đã lâu và đã bị nứt từ trước.

[5] Tại Biên bản cam kết đảm bảo an toàn cho nhà khi xe chở đất đi qua được lập tại nhà bà N ngày 20/12/2017 (BL 06) thể hiện trước khi gia đình ông T sử dụng xe chở đất đi qua cạnh nhà bà N, hai bên đã lập biên bản cam kết đảm bảo an toàn cho nhà khi xe chở đất đi qua cạnh nhà bà N. Trong quá trình thi công hoặc sau quá trình thi công nếu ngôi nhà bà N có xảy ra hư hỏng mà nguyên nhân do xe chở đất đi qua gây ra thì ông T phải chịu trách nhiệm.

[6] Tại các Biên bản xác minh đối với Trưởng thôn T và Bí thư chi bộ thôn T (BL 85, 87) đều xác nhận trước khi lập biên bản cam kết ngày 20/12/2017 những người có mặt chứng kiến đã xem xét, kiểm tra ngôi nhà của bà N không có vết nứt. Sau một thời gian ông T cho xe chở đất đi qua nhà bà N, bà N có báo đến thôn nhà bà N bị nứt tường do xe chở đất đi qua. Thôn đã lập tổ hoà giải để giải quyết, tại buổi hoà giải ông T thừa nhận việc chở đất làm ảnh hưởng đến ngôi nhà bà N là đúng và cam kết thực hiện đúng cam kết giữa hai bên gia đình.

[7] Tại Báo cáo kết luận giám định về sự cố công trình xây dựng số 02/BCKLGĐ - TTKĐ ngày29/8/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng - Sở xây dựng tỉnh Hà Giang kết luận: Nhà bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Thôn T, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang bị nứt nhà là do nhà ông Trần Ngọc T cùng địa chỉ sử dụng xe chở đất có trọng tải lớn đi qua trong một thời gian dài gây ra.

[8] Đối với các bản ảnh về hiện trạng bị nứt của ngôi nhà bà N do bị đơn cung cấp để chứng minh nhà bà N bị nứt từ trước, không phải do anh T chở đất làm nứt. Anh T không không xuất trình được căn cứ xác định nguồn chứng, do vậy không đủ căn cứ chứng minh.

[9] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Toà án thu thập được, xét thấy việc Toà án cấp sơ thẩm xác định nguyên nhân gây ra các vết nứt của nhà bà N là do lực tác động của xe chở đất cho nhà ông T có trọng tải lớn gây ra, buộc bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị N là có căn cứ.

[10] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn ông T không có căn cứ. Tuy nhiên về số tiền bồi thường thiệt hại, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả thẩm định, định giá ngày 28/9/2021 (lần 02) để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại là chưa đủ căn cứ, chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Toà án cấp sơ thẩm cần căn cứ Báo cáo kết luận giám định về sự cố công trình xây dựng số 02/BCKLGĐ - TTKĐ ngày 29/8/2022 và dự toán chi phí sửa chữa do Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng - Sở xây dựng tỉnh Hà Giang thực hiện (Đơn vị có chức năng, thẩm quyền giám định công trình xây dựng), buộc bị đơn anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Tống Thị G) bồi thường chi phí sửa chữa cho nguyên đơn số tiền 62.075.000 đồng. Vì vậy, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

[12] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí thẩm định lần 01 số tiền 1.900.000 đồng (bà N đã thi hành xong), anh T và chị G phải chịu chi phí thẩm định, định giá lần 02 số tiền 1.900.000 đồng (anh T đã chi trả).

[13] Về chi phí giám định: Bị đơn anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị G phải liên đới chịu chi phí giám định là 14.600.000 đồng. Do bà N đã chi trả toàn bộ chi phí giám định là 14.600.000, vì vậy anh T và chị G liên đới trả cho bà N số tiền 14.600.000 đồng.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Trần Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G liên đới phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.104.000 đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.696.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 293 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Ngọc T.

Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn anh Trần Ngọc T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị N số tiền **62.075.000** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí thẩm định lần 01 số tiền 1.900.000 đồng (bà N đã thi hành xong), anh Trần Ngọc T và chị Tống Thị G phải chịu chi phí thẩm định, định giá lần 02 số tiền 1.900.000 đồng (anh T đã chi trả).

3. Về chi phí giám định: Bị đơn anh Trần Ngọc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G phải liên đới chịu chi phí giám định là

14.600.000 đồng. Do bà N đã chi trả toàn bộ chi phí giám định là 14.600.000, vì vậy anh T và chị G liên đới trả cho bà N số tiền 14.600.000 đồng.

4. Về án phí:

- Bị đơn anh Trần Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị G liên đới phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.104.000 đồng.

Bị đơn anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0002556 ngày 04/10/2023.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.696.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng đã nộp tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 01505, ngày 23/10/2020. Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.304.000 đồng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân